

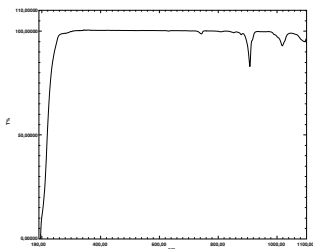
ophtha futur®

sil 1000

sil 2000

sil 5000

Curve of Spectral Transmittance⁽¹⁾



Wavelength [nm]⁽²⁾

(1) Curve of Spectral Transmittance | Spektrale Transmissionskurve | Courbe de Transmittance Spectrale | Curva de Transmisión Espectral | Curva di Trasmissione Spettrale | Curve van de Spectrale Doorlaatbaarheid | Křivka Spektrální Propustnosti | Spektrális Áteresztési Görbe | Krzywa Transmitancji Widmowej | Кривая Спектрального Коэффициента Пропускания | Đường truyền tần số phổ | منحنى النفاذية الطيفية

(2) Wavelength | Wellenlänge | Longueur d'onde | Longitud de Onda | Lunghezza d'onda | Golflengte | Vlnová Délka | Hullámhossz | Długość Fali | Длина Волны (нм) | Độ dài bước sóng | الطول الموجي



Information as of: | Stand der Information: | Informations en date de: | Información de: | Informazioni valide al: | Informatie per: | Informace ke dni: | A tájékoztató összeállításának időpontja: | Informacja począwszy od: | Информация по состоянию на: | Tình trạng thông tin: | المعلومات اعتبارًا من:

Thành phần và tính chất:

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 bao gồm dầu silicone tinh khiết cao và không có vi khuẩn (Polydimethylsiloxan) với độ nhớt từ 1000 - 1500 / 1700 - 2300 / 5000 - 5900 mPas.

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 là một chất lỏng trong suốt, không màu và không mùi, có chỉ số khúc xạ từ 1,403 - 1,405.

Lĩnh vực sử dụng:

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 được sử dụng để chèn ép nội nhãn trong mắt trong trường hợp tổn thương nghiêm trọng của việc bong tróc võng mạc, chẳng hạn như bong tróc võng mạc do tổn thương màng nhầy ví dụ như tăng sinh quang thể và quá trình phục hồi võng mạc, bong tróc võng mạc do chấn thương, rách xước lớn, cũng như trong tất cả các trường hợp bong tróc võng mạc không thể điều trị bằng các phương pháp điều trị khác. Việc sử dụng dầu silicone trong trường hợp bong tróc võng mạc trung tâm hoặc trong các trường hợp nghiêm trọng của bệnh võng mạc đái tháo đường nặng vẫn đang được thảo luận.

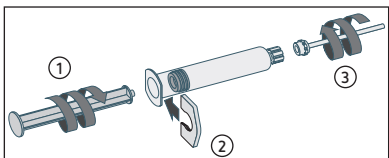
Ứng dụng và liều lượng:

Để xả bỏ rỗng ống tiêm bằng tay, thanh piston (1) được cung cấp trong bao gói khử trùng phải được vặn vào nút của ống tiêm. Mặt đặt ngón tay (2) cũng được cung cấp để gắn lên phần đặt ngón tay trên ống tiêm khi tiêm bằng tay. Khi sử dụng hệ thống tiêm dầu silicone, cần chú ý lắp đặt đúng cách theo hướng dẫn sử dụng của bộ ống và hệ thống tiêm được sử dụng.

Để loại bỏ bất kỳ không khí có thể có, kim tiêm được đặt ở một vị trí mà đầu kim trở lên. Nắp đậy được loại bỏ từ kim tiêm bằng cách cẩn thận xoay nhẹ và kim tiêm cần được gắn vào ống nối Luer Lock (3) nếu cần thiết. Sau đó, bằng cách bóp với áp lực ngắn, bọt khí sẽ được loại bỏ hoàn toàn. Việc tiêm dầu silicone nên được thực hiện từ từ. Luôn lưu ý đảm bảo ống kết nối của hệ thống ống và khóa Luer của kim tiêm cố định chắc chắn và có thể sử dụng các phụ kiện cố định nếu cần thiết.

Thang đo trên nhãn là công cụ hỗ trợ liều lượng.

Việc lựa chọn bệnh nhân, phương pháp phẫu thuật, liều lượng và thời gian duy trì dầu silicone trong mắt là trách nhiệm duy nhất của Bác sĩ nhãn khoa.



Chống chỉ định:

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 không nên sử dụng sau khi cấy ghép thể kính nội nhãn bằng silicone.

Cảnh báo và biện pháp phòng:

Sản phẩm này chỉ được sử dụng bởi các Bác sĩ có kiến thức chuyên môn cần thiết về việc sử dụng sản phẩm này.

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 chỉ dành cho phẫu thuật của phần sau mắt. Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 chỉ được sử dụng một lần và không được tiết trùng lại.

Sử dụng dầu silicone không được khử trùng, hoặc dầu silicone được tái sử dụng có thể gây nhiễm khuẩn chéo hoặc gây tổn thương nghiêm trọng cho sức khỏe của bệnh nhân. Ngày hết hạn có hiệu lực dưới điều kiện lưu trữ như dưới đây. Không được sử dụng bao bì đã mở hoặc bị hư hỏng. Tránh đổ quá nhiều Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 vào mắt sau. Sau khi sử dụng dầu silicone, đã có báo cáo về tình trạng suy giảm giác mạc, bệnh đục thủy tinh thể và tăng áp thứ phát. Cũng đã quan sát thấy quá trình nhũ hóa với sự suy giảm rõ rệt của thị lực.

Kinh nghiệm lâm sàng cho thấy dầu silicone nên được gỡ bỏ khi bệnh tình ổn định hoặc gặp phải biến chứng.

Perfluorcarbon lỏng (PFCL) và dầu silicone có xu hướng gây hình thành nhũ hóa khi được sử dụng chung trong mắt. Do đó, PFCL phải được gỡ bỏ khỏi mắt trước khi tiêm dầu silicone. Trong giai đoạn sau phẫu thuật, khi thị lực không tiếp tục tăng hoặc giảm trở lại sau khi gỡ bỏ dầu silicone, đã được chứng minh rằng kết quả cuối cùng của phẫu thuật có thể được cải thiện.

Lưu trữ:

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 nên được lưu trữ ở nhiệt độ phòng (bảo quản ở nơi khô ráo từ 4 °C đến 25 °C) và tránh ánh sáng và bị đông lạnh

Kích thước đóng gói và phương pháp tiết trùng:

Ophthafutur Sil 1000 / 2000 / 5000 được cung cấp trong một ống tiêm kính có dung tích 10 mL đã được TIỆT TRÙNG. Sản phẩm được tiết trùng bằng nhiệt khô và bề mặt bên ngoài được tiết trùng bằng hơi nước.

**Nhà máy sản xuất:**

Pharmapur GmbH

Messerschmitttring 33

86343 Königsbrunn

Germany

Số điện thoại: +49 8231 9577-0

Số Fax: +49 8231 9577-22

E-Mail: info@pharmapur.de

www.pharmapur.de



Pharmapur GmbH

Messerschmittring 33
86343 Königsbrunn
Germany

Phone: +49 8231 9577-0

Fax: +49 8231 9577-22

Mail: info@pharmapur.de
www.pharmapur.de